TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2018
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông **Lương Văn Hòa**

2/- Ông **Võ Thanh Văn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Trung An**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 06 tháng 2 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông NGUYEN NGHIA V (Nguyễn Văn N), sinh năm 1973. Địa chỉ: xxx, USA (Hoa kỳ) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông NGUYEN NGHIA V trình bày: Trong một lần về Việt Nam năm 2015, qua người thân giới thiệu thì ông có gặp và quen biết bà Nguyễn Thị Tú N. Sau một thời gian tìm hiểu, đến đầu năm 2017 thì hai người tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 24/01/2017. Sau khi kết hôn thì ông ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi trở về Hoa Kỳ tiếp tục làm việc. Trong thời gian ông ở Hoa Kỳ thì ông và bà N vẫn liên lạc qua điện thoại, ông có hứa và đã chuẩn bị làm thủ tục để bảo lãnh cho bà N sang Hoa Kỳ để đoàn tụ gia đình. Nhưng trong thời gian chờ đợi ông làm thủ tục bảo lãnh thì giữa ông và bà Tú N xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà N không muốn cùng ông sang Hoa Kỳ và muốn chấm dứt tình trạng hôn nhân với ông mà không rõ nguyên nhân vì sao, từ đó ông cũng dừng không làm các thủ tục để bảo lãnh bà N sang Hoa Kỳ. Từ đó đến nay, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, bà N thường yêu cầu ông về Việt Nam làm thủ tục ly hôn để trả tự do cho nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai không còn quan tâm và không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa, hiện nay ông ở Hoa Kỳ, còn bà N ở Việt Nam nên không có điều kiện để đoàn tụ gia đình. Nay

nhận thấy mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc giữa ông và bà Tú N không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, nếu kéo dài chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý và khổ cho cả hai vì giữa hai bên đã không còn tình cảm. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/11/2017 ông NGUYEN NGHIA V trình bày do hiện nay ông đang định cư ở Hoa Kỳ, thời gian ông ở Việt Nam không được nhiều, nên ông không thể sắp xếp thời gian để tham gia vụ án được vì vậy ông đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ, các buổi làm việc của Tòa án các cấp và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử của Tòa án các cấp.

2/- *Tại bản tự khai đề ngày 27/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Tú N trình bày*: Bà thống nhất với lời trình bày của ông N về quá trình quen biết, đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do ông N đề nghị ly hôn, bà và ông N không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng ông N đã đăng những thông tin không đúng lên mạng xã hội nhằm hạ uy tín của bà và gia đình, gây tổn thất về tinh thần cho bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì bà có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Nguyen Nghia V

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông bà không có, bà thống nhất không đặt ra xem xét.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 của nguyên đơn Nguyễn Văn N yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú Nghi; về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không có nên không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vụ án.

- *Về nội dung*:

[3] Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Tú N đã tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 24/01/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N là hôn nhân hợp pháp.

[4] Vào năm 2015 qua người thân giới thiệu thì ông N và bà N có quen biết nhau, qua một thời gian tìm hiểu thì đầu năm 2017 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 24/01/2017. Sau khi kết hôn thì ông N ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi trở về Hoa Kỳ tiếp tục làm việc. Trong thời gian ông N ở Hoa Kỳ thì ông và bà N vẫn liên lạc qua điện thoại, ông có hứa và đã chuẩn bị làm thủ tục để bảo lãnh cho bà N sang Hoa Kỳ để đoàn tụ gia đình. Nhưng trong thời gian chờ đợi ông N làm thủ tục bảo lãnh thì giữa ông và bà N xảy ra mâu thuẫn, từ đó ông cũng dừng không làm các thủ tục để bảo lãnh bà N sang Hoa Kỳ. Bị đơn bà N không đồng ý ly hôn với ông N vì cho rằng giữa ông bà không có mâu thuẫn gì trầm trọng nhưng ông N đã đăng những thông tin không đúng về bà và gia đình lên mạng xã hội gây tổn thất về mặt tinh thần cho bà.

[5] Xét thấy, về mâu thuẫn ông N cho rằng bà N không đồng ý cùng ông N sang định cư tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên bị đơn bà N cho rằng do cả hai bất đồng quan điểm và ông N đã đăng những thông tin không đúng làm bà bị tổn thất về mặt tinh thần và bà cũng không đồng ý ly hôn với ông Nghĩa. Cả hai đều xác nhận trong thời gian xa nhau thì giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hiện nay tình cảm giữa hai người không còn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa ông N và bà N chỉ là trên danh nghĩa và ràng buộc về mặt pháp lý, tình cảm giữa ông bà đã thật sự không còn, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại và đạt được, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Hơn nữa, ông N đang định cư ở Hoa Kỳ còn bà N hiện đang sinh sống tại Việt Nam, đồng thời ông N cũng không làm thủ tục bảo lãnh bà N sang Hoa Kỳ để cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông N xin được ly hôn với bà N là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận và đồng ý cho ông NGUYEN NGHIA V (Nguyễn Văn N) được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tú Nghi

[6] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: ông N và bà N đều xác nhận không có, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: ông NGUYEN NGHIA V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyen Nghia V.

1/- Về quan hệ hôn nhân: Ông NGUYEN NGHIA V và bà Nguyễn Thị Tú N được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông NGUYEN NGHIA V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009793 ngày 23/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông NGUYEN NGHIA V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Trung Bình, huyện Trần Đề;
- Lưu HSVA-TDS.

Nguyễn Văn Dũ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ……..phút, ngày tháng 02 năm 2018.

Tại Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- ……..

2/- ……..

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc *"Ly hôn"*, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông NGUYEN NGHIA V (Nguyễn Văn N), sinh năm 1973. Địa chỉ: 305 Summer St, Lynn, MA 01905, USA (Hoa kỳ)

2/. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Thống nhất 3/3 với các nội dung phán quyết sau đây:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyen Nghia V.

1/- Về quan hệ hôn nhân: Ông NGUYEN NGHIA V và bà Nguyễn Thị Tú N được ly hôn.

2/- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3/- Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông NGUYEN NGHIA V phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009793ngày 23/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông NGUYEN NGHIA V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với

đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng 02 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Dũ